



gōu yǐn

勾引

verb · to seduce; to entice

Example Sentences

tā shì tú yòng tián yán mì yǔ gōu yǐn tā
他试图用甜言蜜语勾引她。

He tried to seduce her with sweet talk.

zhè zhǒng guǎng gào yòng měi nǚ lái gōu yǐn gù kè mǎi dōng xī
这种广告用美女来勾引顾客买东西。

This kind of ad uses beautiful women to entice customers to buy things.

Trace each character, then write the word on your own.

勾	勾	勾	勾	勾	勾	勾													
引	引	引	引	引	引	引													